

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2019

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2019 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai P, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Ấp TL, xã BT, huyện B, Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn: Anh Huỳnh Trọng N, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Ấp PT, xã PN, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Trọng N tự nguyện kết hôn năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT. Sau khi kết hôn, chị vẫn sống tại nhà cha

mẹ ruột ở xã BT, anh N thì làm nghề lái máy KOBE Xúc đất và đi làm thuê cho công trình ở huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Khoảng vài ngày thì anh N về và đón mẹ con chị về xã PN. Khi anh N đi làm thì mẹ con chị lại trở về xã BT sống. Do đó, phần lớn thời gian chị và con đều sống ở xã BT. Thời gian đầu, anh chị sống cũng hạnh phúc nhưng hơn 01 năm sau thì không còn hạnh phúc do anh N đi làm thường rượu chè, cờ bạc và không lo cho gia đình, anh N cũng ít về nhà, dịp lễ, tết cũng không về với vợ con. Chị và anh N đã sống ly thân hơn 03 tháng nay và từ thời gian đó anh N không có về xã Bảo Thuận thăm mẹ con chị. Nay chị thấy không còn tình cảm và không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh N có 01 con chung tên Huỳnh Trọng L, sinh ngày 19/8/2013. Hiện cháu L đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

* Quá trình tố tụng, anh N vắng mặt nên không có lời khai.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên HĐXX thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị P ly hôn với anh N. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Trọng L cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng và buộc anh N cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Trọng N vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai P và anh Huỳnh Trọng N kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2013. Do đó, hôn nhân của chị P và anh N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị P cho rằng mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên yêu cầu ly hôn với anh N. Anh N biết Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án nhưng vẫn không đến Tòa cho thấy anh N không có thiện chí hàn gắn cùng chị P. Kết quả xác minh cho thấy chính quyền địa phương không nắm rõ tình trạng hôn nhân của chị P và anh N. Tuy nhiên, qua làm việc, mẹ ruột anh N cũng thừa nhận chị P và anh N đã xảy ra mâu thuẫn do anh N thường xuyên rượu chè và không quan tâm chăm sóc gia đình. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của chị P và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị P và anh N có 01 con chung Huỳnh Trọng L, sinh ngày 19/8/2013, hiện đang sống cùng chị P. Xét thấy yêu cầu tiếp tục nuôi con của chị P là có cơ sở, đảm bảo ổn định về cuộc sống cũng như việc phát triển của cháu L nên HĐXX chấp nhận giao cháu L cho chị P nuôi dưỡng. Do anh N không trực tiếp nuôi dưỡng con nên theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, anh N có N vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng mà chị P yêu cầu. HĐXX thấy rằng mức cấp dưỡng này là phù hợp để giúp đảm bảo cho việc nuôi dạy, học tập cho cháu L nên HĐXX buộc anh N phải có N vụ cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Về mức cấp dưỡng đại diện Viện kiểm sát đề nghị 750.000 đồng, tuy có phù hợp với quy định của pháp luật nhưng đây chỉ là mức tối thiểu theo quy định của pháp luật, với mức cấp dưỡng này không phù hợp với tình hình thực tế nuôi con và bảo đảm điều kiện học tập tốt cho con chung nên HĐXX không chấp nhận mức cấp dưỡng đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét

[5] Về nợ chung: không có nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mai P phải nộp án phí hôn nhân gia đình và anh N có nghĩa vụ nộp án phí cấp dưỡng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Mai P ly hôn với anh Huỳnh Trọng N

2. Con chung: Chị Nguyễn Thị Mai P có quyền trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Trọng L, sinh ngày 19/8/2013. Anh Huỳnh Trọng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

Anh Huỳnh Trọng N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Mai P phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0004808 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Anh Huỳnh Trọng N phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã B (B, Bến Tre);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng